TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2022/KDTM-ST
Ngày: 12/8/2022.
"V/v tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng công trình".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Quốc Tuấn**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà **Nguyễn Thị Lệ Hoa.**
2. Ông **Nguyễn Văn Cường.**

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông **Nguyễn Hoàng Khôi** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long:*** Không tham dự phiên tòa.

Ngày 12 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2022/TLST-KDTM về tranh chấp kinh doanh thương mại "*Hợp đồng thi công xây dựng công trình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐST-KDTM ngày 20 tháng 6 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 13/2022/QĐST-KDTM, ngày 18/7/2022 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Công ty TNHH MTV xây dựng Phúc C (**Viết tắt là Công ty TNHH MTV XD Phúc C**).** Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Hữu B**, chức vụ: Giám đốc; địa chỉ trụ sở: Số M12, đường Đ, phường M, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Ông Nguyễn Hữu B ủy quyền cho ông Đỗ Văn Kh, sinh năm 1985; địa chỉ liên lạc: Số B64, đường Đ, phường M, thành phố Vĩnh Long (*Ông Kh có đơn xin vắng mặt*).

* Bị đơn: **Công ty TNHH TDS H**. Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Văn Đ**, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên; địa chỉ trụ sở: Số F205, đường 14, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (*Vắng mặt*).

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Phạm Minh L**, sinh năm 1974; địa chỉ: Số 71/28/1, đường Nguyễn Văn Th, phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (*Vắng mặt*).

NHẬN THẤY:

Trong đơn khởi kiện ngày 10/01/2022 và trong quá trình tiến hành tố tụng, đại diện nguyên đơn trình bày như sau:

Ngày 29/11/2019, Công ty TNHH MTV XD Phúc C với Công ty TNHH TDS H ký kết hợp đồng thi công xây dựng số 2911/2019/HĐTCXD/PC (*Địa điểm khi ký kết hợp đồng tại số 71/28/1, đường Nguyễn Văn Th, khóm B, phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long*), nội dung hợp đồng thể hiện bên giao thầu là Công ty TNHH TDS H, bên nhận thầu thi công công trình là Công ty TNHH MTV XD Phúc C. Theo đó, các bên thỏa thuận Công ty TNHH TDS H giao cho Công ty TNHH MTV XD Phúc C thi công xây dựng, lắp đặt công trình theo đúng thiết kế được duyệt, được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng theo đúng quy định của pháp luật đối với công trình nhà máy sản xuất vật tư, thiết bị y tế do Công ty TNHH TDS H trúng thầu.

Sau khi ký kết hợp đồng, Công ty TNHH MTV XD Phúc C đã tổ chức nhân công và tiến hành thi công phần việc đợt 1 trong Điều 8 của Hợp đồng nhưng do phía bị đơn không nghiệm thu khối lượng để bàn giao nên 02 bên chấm đứt thi công nhưng không có biên bản bàn giao và chấm dứt hợp đồng, bên bị đơn chỉ tạm ứng thanh toán trước 5.000.000 đồng cho Công ty TNHH MTV XD Phúc C. Ngày 03/6/2020 giữa 02 công ty có biên bản xác nhận công nợ tổng giá trị đã thực hiện là 235.000.000 đồng trừ 5.000.000 đồng bên bị đơn đã thanh toán trước nên còn lại số tiền 230.000.000 đồng giá trị còn lại chưa thanh toán, phía bị đơn do ông Phạm Minh L ký xác nhận nhưng sau đó không thanh toán đến nay.

Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 230.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi do chậm thanh toán theo mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 26/6/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bị đơn Công ty TNHH TDS H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Minh L đã được Tòa án tiến hành niêm yết hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, nhưng hết thời hạn theo Thông báo bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không cung cấp văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã tiến hành thông báo hợp lệ nhiều lần Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do chính đáng. Như vậy, vụ án không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được do bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cố tình vắng mặt.

Tại phiên tòa sơ thẩm;

Đại diện nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cụ thể tyêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 230.000.000 đồng và thay đổi 01 phần nội dung yêu cầu tính lãi với mức lãi 0,55%/tháng từ ngày 26/6/2020 đến ngày 12/8/2022 bằng số tiền lãi 47.437.500 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 277.437.500 đồng. Ngoài ra, không giao nộp thêm chứng cứ nào mới.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do, không giao nộp chứng cứ gì cho Tòa án.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. ***Về tố tụng***:

- Nguyên đơn và bị đơn hoạt động kinh doanh có giấy phép theo đúng quy định của pháp luật, cả 02 xác lập hợp đồng đều có mục đích lợi nhuận. Do đó xác định đây là vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp kinh doanh thương mại về "*Hợp đồng thi công xây dựng công trình",* hợp đồng ký kết tại thành phố Vĩnh Long và bị đơn có địa chỉ tại thành phố Vĩnh Long nên thuộc thẩm quyền loại việc của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo quy định tại các Điều 30, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và còn thời hiệu khởi kiện quy định tại Điều 319 của Luật Thương mại năm 2005.

- Đại diện nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để dự phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất ngờ và trở ngại khách quan gì. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. ***Về nội dung***:

- Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ và ý kiến của đại diện nguyên đơn trình bày, xem xét đánh giá chứng cứ do đương sự cung cấp gồm: Hợp đồng thi công xây dựng số 2911/2019/HĐTCXD/PC ngày 29/11/2019 và biên bản xác nhận công nợ ngày 03/6/2020. Hội đồng xét xử xét thấy hợp đồng nêu trên do đại diện theo pháp luật các bên ký kết có nội dung tự nguyện và hình thức phù hợp pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Nên hợp đồng nêu trên có hiệu lực và khối lượng công trình được xác nhận công nợ là có thật.

Thực hiện hợp đồng, bên Công ty TNHH MTV XD Phúc C đã thực hiện đầy đủ nội dung và nghĩa vụ theo hợp đồng, cụ thể đã tổ chức thi công, chuẩn bị nhân lực, phương tiện xe cuốc, ván coppha làm láng trại, tiến hành đo đạc công trình…của đợt 1 trong hợp đồng.

Do các bên không tiếp tục thực hiện hợp đồng, không có văn bản thỏa thuận chấm dứt hoặc tạm dừng hợp đồng nhưng theo trình bày của đại diện nguyên đơn lý do không tiếp tục thực hiện hợp đồng là do bị đơn không nghiệm thu thanh toán khối lượng do nguyên đơn đã thực hiện, mặt khác thời hạn hợp đồng kết thúc vào ngày 09/6/2020 so với ngày xác nhận công nợ 03/6/2020 nên mặt nhiên đến ngày nguyên đơn khởi kiện thì hợp đồng số 2911/2019/HĐTCXD/PC ngày 29/11/2019 coi như đã chấm dứt, theo quy định của pháp luật bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn các khoản chi phí do nguyên đơn đã thực hiện phần việc được xác nhận khối lượng.

Hội đồng xét xử xét thấy trong suốt quá trình Tòa án tiến hành tố tụng, bị đơn cố tình vắng mặt không có ý kiến phản hồi bằng văn bản để phản tố hay phản bác ý kiến của nguyên đơn; hợp đồng thi công xây dựng công trình ký kết thực hiện trọn gói, khi nguyên đơn thực hiện được khối lượng công việc theo đợt 1 trong Điều 8 của hợp đồng thì ngưng thi công do bị đơn không tiến hành nghiệm thu từng phần, nhưng nguyên đơn không đưa ra được căn cứ dừng thi công do lỗi của bên giao thầu (*Bị đơn*), không xuất trình chứng cứ chứng minh 02 bên chấm dứt hợp đồng và đã tự ý không thực hiện tiếp hợp đồng. Vì vậy, theo xác nhận khối lượng của ông Phạm Minh L bên Công ty TNHH MTV XD Phúc C đã thực hiện được tiền xe cuốc 30.700.000 đồng; tiền công thợ 170.800.000 đồng; tiền ván coppha 13.600.000 đồng; láng trại tol và sắt (Fe) 10.700.000 đồng và chi phí đo đạc công trình 6.800.000 đồng. Xác nhận này của ông L (*Là người đại diện bị đơn ký kết hợp đồng*) là căn cứ pháp lý để xác định nghĩa vụ của Công ty TNHH TDS H phải trả cho Công ty TNHH MTV XD Phúc C theo xác nhận của ông Phạm Minh L đại diện bị đơn, Tòa án đã có thông báo kết quả công khai chứng cứ và hòa giải kèm theo xác nhận khối lượng gửi cho bị đơn nhưng bị đơn không có ý kiến phản hồi nên Hội đồng xét xử công nhận những tình tiết chứng cứ của nguyên đơn cung cấp là sự thật theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do nguyên đơn yêu cầu số tiền 235.000.000 đồng trừ 5.000.000 đồng bị đơn đã thanh toán nên chỉ yêu cầu số tiền 230.000.000 đồng, nhưng bị đơn vắng mặt nên căn cứ vào xác nhận của ông Luận số tiền 232.600.000 đồng làm căn cứ xác định nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn và trừ 5.000.000 đồng nguyên đơn thừa nhận bị đơn đã thanh toán nên buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền công nợ 227.600.000 đồng. Vì vậy, chấp nhận 01 phần yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền 227.600.000 đồng, không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đòi bị đơn trả số tiền 230.000.000 đồng.

Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy hợp đồng giữa các bên ký kết không thỏa thuận tính lãi, hơn nữa do các bên không tiến hành nghiệm thu bàn giao công trình, khi chấm dứt hợp đồng cũng không có văn bản thỏa thuận nên không thể áp dụng Điều 43 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 để buộc bị đơn chịu lãi suất từ ngày 26/6/2020. Vì thời điểm tháng 4/2020 theo giấy phép đăng ký hoạt động đã thay đổi, ông Nguyễn Văn Đ là người đại diện Công ty TNHH TDS H, ông L chỉ là thành viên công ty nên xác nhận công nợ của ông L chỉ có ý nghĩa trong việc xác định khối lượng thực tế của công trình. Vì vậy không có căn cứ tính lãi từ ngày 26/6/2020, nhưng chấp nhận cho nguyên đơn được tính lãi từ ngày làm đơn khởi kiện 10/01/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 12/8/2022 bởi vì ông Đ có văn bản xác nhận đã nhận được đơn khởi kiện của nguyên đơn. Mức lãi suất chậm thanh toán do nguyên đơn yêu cầu 0,55%/tháng là có căn cứ chấp nhận và được tính như sau: Từ 10/01/2022 đến 12/8/2022 là 07 tháng x 0,55% x 227.600.000 đồng = 8.762.600 đồng.

Từ những phân tích trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ chấp nhận 01 phần về số tiền thanh toán công nợ và 01 phần số tiền yêu cầu tính lãi. Cụ thể buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền giá trị thi công theo hợp đồng

là 227.600.000 đồng và số tiền lãi do chậm thanh toán là 8.762.600 đồng, tổng cộng bằng số tiền 236.362.600 đồng; không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn số tiền chênh lệch 2.400.000 đồng thanh toán công nợ và số tiền lãi không được chấp nhận là 38.674.900 đồng.

- Đối với bị đơn, trong suốt quá trình tiến hành tố tụng không có ý kiến yêu cầu phản tố về chất lượng công trình hoặc bồi thường thiệt hại nếu có. Vì vậy, bị đơn được quyền khởi kiện đối với nguyên đơn bằng vụ kiện dân sự khác nếu có yêu cầu và còn trong thời hiệu khởi kiện.

[3]. Về áp dụng pháp luật:

Các bên đương sự khi ký kết hợp đồng mang tính chất thương mại, do Luật Thương mại không có Điều luật điều chỉnh hợp đồng thi công xây dựng công trình nên áp dụng khoản 2 Điều 4 của Luật Thương mại năm 2005 để áp dụng Luật xây dựng năm 2014 làm luật nội dung để giải quyết vụ án.

[4]. Về án phí, bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm 11.818.200 đồng; nguyên đơn phải chịu 3.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm do không được chấp nhận một phần yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 30, 35, 39, 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Quốc hội;

Áp dụng Điều khoản 2 Điều 4, Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005; Điều 113, Điều 144 và Điều 147 Luật xây dựng năm 2014.

Tuyên xử;

1/ Về nội dung:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH MTV xây dựng Phúc C.

Buộc bị đơn Công ty TNHH TDS H có nghĩa vụ thanh toán số tiền thực hiện hợp đồng số 2911/2019/HĐTCXD/PC ngày 29/11/2019 theo biên bản xác nhận công nợ ngày 03/6/2020 trả cho Công ty TNHH MTV xây dựng Phúc C số tiền 227.600.000 đồng (*Hai trăm hai mươi bảy triệu, sáu trăm ngàn đồng*) và số tiền lãi do chậm thanh toán 8.762.600 đồng (*Tám triệu,bảy trăm sáu mươi hai ngàn, sáu trăm đồng*). Tổng cộng bằng số tiền 236.362.600 đồng đồng (*Hai trăm ba mươi sáu triệu,ba trăm sáu mươi hai ngàn, sáu trăm đồng*).

- Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đòi bị đơn số tiền 2.400.000 đồng thanh toán công nợ và 38.674.900 đồng yêu cầu tính lãi không được chấp nhận.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản

tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Án phí:

- Buộc bị đơn Công ty TNHH TDS H phải nộp 11.818.200 đồng (*Mười một triệu, tám trăm mười tám ngàn, hai trăm đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Buộc nguyên đơn Công ty TNHH MTV xây dựng Phúc C phải nộp số tiền 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.609.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số No:0001071 ngày 08/3/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long nên hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền 3.609.000 đồng *(Ba triệu, sáu trăm lẻ chín ngàn đồng*).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3/ Quyền kháng cáo:

Án xử công khai. Báo cho tất cả các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, để xin Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Quốc Tuấn

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- TAND tỉnh VL;
- THADS TPVL;
- Lưu VT;
- Lưu hồ sơ.